

ĐƯA NGHỊ QUYẾT 66-NQ/TW VÀO CUỘC SỐNG YÊU CẦU, CƠ CHẾ VÀ GIẢI PHÁP THỰC THI

✍️ ThS. Đặng Xuân Cường

● **TÓM TẮT:** Thời gian qua, Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới là một văn kiện quan trọng của Đảng, xác định những định hướng chiến lược và giải pháp căn bản để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững trong bối cảnh mới... Bài viết này phân tích và làm rõ các yêu cầu cơ bản về thể chế hóa, tổ chức bộ máy, huy động nguồn lực và phát huy vai trò của toàn xã hội trong quá trình triển khai thực hiện; đồng đề xuất các cơ chế và giải pháp cụ thể nhằm khắc phục hạn chế trong thực thi, bảo đảm đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

● **Từ khóa:** Nghị quyết 66-NQ/TW; cơ chế thực thi; giải pháp thực thi; phát triển bền vững; thể chế hóa; chuyển đổi số; hội nhập quốc tế.

● **ABSTRACT:** In recent years, our Party and State have introduced many guidelines and policies to innovate and improve the effectiveness of law-making and law enforcement. Resolution No. 66-NQ/TW dated April 30, 2025, of the Politburo on renewing law-making and law enforcement to meet the requirements of national development in the new era is an important document of the Party. It sets out strategic orientations and fundamental solutions to enable rapid and sustainable development of the country in the new context. This article analyzes and clarifies the basic requirements regarding institutionalization, organizational structure, resource mobilization, and the promotion of society-wide participation in the implementation process; at the same time, it proposes specific mechanisms and solutions to overcome limitations in enforcement and ensure the Resolution is effectively put into practice.

● **Keywords:** Resolution 66-NQ/TW; enforcement mechanism; enforcement solutions; sustainable development; institutionalization; digital transformation; international integration.

Ngày nhận bài: 25/8/2025

Ngày bình duyệt: 05/9/2025

Ngày duyệt đăng: 10/9/2025

Thực tiễn cho thấy công tác xây dựng và thi hành pháp luật ở nước ta vẫn còn những hạn chế, bất cập. Trong đó, một số chủ trương, định hướng của Đảng chưa được thể chế hóa kịp thời, đầy đủ; Tư duy xây dựng pháp luật trong một số lĩnh vực chưa thực sự đổi mới; Chất lượng pháp luật chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn, còn có những quy định chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu rõ ràng, cản trở việc thực thi, không thuận lợi cho việc khơi thông nguồn lực đầu tư; Việc phân cấp, phân quyền chưa đủ mạnh; Thủ tục hành chính còn rườm rà; Tổ chức thực thi pháp luật vẫn là khâu yếu, thiếu cơ chế phản ứng chính sách kịp thời, hiệu quả; Chậm nghiên cứu, ban hành chính sách, pháp luật điều chỉnh những vấn đề mới... Chính vì vậy, đổi mới tư duy trong xây dựng và thực thi pháp luật là yêu cầu cấp thiết hiện nay.

Nghị quyết số 66-NQ/TW là một trong những văn kiện quan trọng, được ban hành trong bối cảnh đất nước đang bước vào giai đoạn phát triển mới với nhiều thời cơ và thách thức đan xen. Việc nghiên cứu, triển khai và đưa nghị quyết vào cuộc sống không chỉ là yêu cầu chính trị mang tính cấp thiết mà còn là cơ sở để hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

VĂN KIẾN QUAN TRỌNG CỦA ĐẢNG TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT

Nghị quyết 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 cùng với Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 59-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị, được gọi là “Bộ tứ trụ cột” tạo bệ phóng cho sự phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới. Trong đó, việc ban hành Nghị quyết 66 đã khắc phục được những hạn chế, bất cập tồn tại trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật thời gian qua, đồng thời tạo hành lang pháp lý vững chắc để huy động mọi nguồn lực, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm

quyền con người, quyền công dân, đặc biệt là trong bối cảnh chúng ta tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nghị quyết 66 còn có ý nghĩa quan trọng trong việc tiếp nối để thực hiện một trong ba đột phá chiến lược mà trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra, trong đó đột phá chiến lược về mặt thể chế được xếp ở vị trí hàng đầu.

Về mặt lý luận, Nghị quyết 66-NQ/TW đặt trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm nhất quán của Đảng về xây dựng, phát triển đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trong đó, tư tưởng “lấy dân làm gốc”, coi con người là trung tâm, là chủ thể, vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển, là kim chỉ nam xuyên suốt. Đồng thời, nghị quyết cũng kế thừa và phát triển những quan điểm trong các văn kiện trước đó, đặc biệt là các nghị quyết về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới mô hình tăng trưởng, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền, phát triển nguồn nhân lực, khoa học – công nghệ và hội nhập quốc tế. Cùng với đó là yêu cầu đổi mới tư duy phát triển trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và toàn cầu hóa; coi mô hình phát triển dựa trên tri thức, công nghệ, đổi mới sáng tạo và quản trị hiện đại là nền tảng chính.

Về cơ sở thực tế, hệ thống pháp luật và cơ chế chính sách của nước ta tuy đã được cải thiện đáng kể, nhưng vẫn chưa đồng bộ, thiếu tính dự báo và còn độ trễ so với thực tiễn. Bộ máy quản lý nhà nước ở một số lĩnh vực vẫn chồng chéo, hiệu quả chưa cao. Công tác tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng còn tình trạng hình thức, chưa thật sự đi vào chiều sâu, thiếu cơ chế giám sát, kiểm tra chặt chẽ. Vì vậy, Nghị quyết 66 – NQ/TW của Trung ương trong giai đoạn hiện nay thực sự hết sức quan trọng và cần thiết. Đây là tiền đề quan trọng để các cấp, các ngành quán triệt, nhận thức đầy đủ và

triển khai nghị quyết hiệu quả trong giai đoạn mới.

Nghị quyết 66 - NQ/TW có 06 điểm mới là: (1) *Nhấn mạnh, công tác xây dựng pháp luật phải bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng; (2) Khẳng định tăng cường kiểm soát quyền lực phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ, phòng ngừa, ngăn chặn mọi biểu hiện trục lợi, hưởng lợi chính sách; (3) Đề cao việc phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, sự tham gia rộng rãi thực chất của người dân, tổ chức, doanh nghiệp cũng như các chủ thể khác trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật; (4) Nhấn mạnh công tác xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, nắm bắt cơ hội và mở đường khơi thông mọi nguồn lực, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho sự phát triển, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; (5) Nhấn mạnh Nhà nước đầu tư cho công tác xây dựng chính sách, xây dựng pháp luật, coi đây là đầu tư cho sự phát triển; (6) Nhấn mạnh về mối quan hệ giữa công tác xây dựng pháp luật và công tác thi hành pháp luật.*

Nhờ vậy, Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; là dấu mốc quan trọng khẳng định vị trí trung tâm của pháp luật trong kiến tạo phát triển, củng cố Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; là kim chỉ nam và là văn kiện quan trọng của Đảng trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Một trong những nội dung cốt lõi của Nghị quyết là yêu cầu Nhà nước bảo đảm và ưu tiên nguồn lực để đầu tư cho công tác xây dựng và thi hành pháp luật.

Tinh thần quan trọng của Nghị quyết còn thể hiện ở chỗ, phải dứt khoát nói “không” với bất cứ hạn chế, bất cập nào trong thể chế, pháp luật; không thỏa hiệp với bất kỳ yếu kém nào trong thiết kế chính

sách, soạn thảo pháp luật, hay tổ chức thực thi. Hiệu quả, chất lượng của công tác thể chế phải được nâng lên một tầm cao mới, mở ra không gian, nguồn lực, lợi thế cho đất nước phát triển vượt bậc. Nghị quyết đồng thời nhấn mạnh sự đột phá thể chế phải song hành với cuộc cách mạng khoa học công nghệ và chuyển đổi số quốc gia (được thể hiện trong Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị).

Mục tiêu Nghị quyết 66 đặt ra là đến năm 2030 Việt Nam có hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, khả thi với cơ chế tổ chức thực hiện nghiêm minh, nhất quán; tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam có hệ thống pháp luật chất lượng cao, hiện đại, tiệm cận chuẩn mực, thông lệ quốc tế tiên tiến. Để phấn đấu đạt được mục tiêu lớn lao ấy, cần thực hiện nhiều giải pháp, trong đó giải pháp về công tác xây dựng pháp luật và đảm bảo chất lượng của chính sách là quan trọng hàng đầu. Việc nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức công vụ và trách nhiệm giải trình của đội ngũ cán bộ công chức có vai trò hết sức quan trọng.

Nghị quyết số 66 xác định xây dựng và thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá”. Theo đó, Nghị quyết nhấn mạnh công tác pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt trong hoàn thiện thể chế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Và, thực hiện Nghị quyết 66 chính là cuộc *cách mạng tư duy* về pháp luật, với mục tiêu cụ thể theo giai đoạn: 2025 gỡ điểm nghẽn, 2027 xây dựng đồng bộ, 2028 môi trường đầu tư lọt top 3 ASEAN.

Tiếp tục đổi mới tư duy xây dựng và thực thi pháp luật từ Nghị quyết 66 được xem là bước tiến quan trọng trong cải cách lập pháp. Tuy nhiên, theo các chuyên gia, thực tế khi triển khai thực hiện, vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn và hạn chế; cụ thể là: *Vẫn còn tư duy cũ, nặng về quy định chi tiết*; nghĩa là vẫn còn hiện tượng “luật

khung, luật ống”, dẫn đến tình trạng phải chờ nghị định, thông tư hướng dẫn, làm chậm hiệu lực thi hành. Bên cạnh đó, *tư duy quản lý bao cấp, hành chính vẫn còn*: Thiếu tư duy xây dựng pháp luật theo hướng kiến tạo phát triển và tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội. *Chất lượng đội ngũ làm pháp luật còn hạn chế*: Thiếu chuyên gia giỏi về lập pháp, đặc biệt trong các lĩnh vực mới (chuyển đổi số, môi trường, trí tuệ nhân tạo...); Năng lực phân tích chính sách yếu, dẫn đến việc xây dựng các quy định pháp luật không sát thực tế hoặc khó thi hành. *Thiếu cơ chế phản biện độc lập*: Vai trò của các viện nghiên cứu, giới học thuật, người dân và doanh nghiệp chưa được phát huy đầy đủ. *Tình trạng “lợi ích cục bộ” trong xây dựng pháp luật vẫn còn*: Tình trạng “cài cắm” lợi ích trong quy định pháp luật vẫn diễn ra, gây mất niềm tin và làm giảm hiệu quả thực thi. Việc *ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong lĩnh vực lập pháp* chưa đủ mạnh, dẫn đến việc lấy ý kiến, soạn thảo, góp ý, phản biện còn thủ công, thiếu minh bạch và kém hiệu quả. *Trách nhiệm giải trình của các cơ quan chủ trì soạn thảo chưa cao*, còn thiếu các tiêu chí đánh giá cụ thể.

YÊU CẦU VỀ NHẬN THỨC VÀ QUẢN TRIỆT NGHỊ QUYẾT

Một yêu cầu quan trọng là nâng cao chất lượng tuyên truyền, giáo dục, giúp cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ “cái gì, tại sao và làm thế nào” trong nghị quyết. Nhận thức đúng sẽ là nền tảng để hành động đúng, tránh tình trạng triển khai hời hợt, chiếu lệ. Bên cạnh đó, cần thể chế hóa kịp thời các nội dung nghị quyết thành luật pháp, cơ chế, chính sách cụ thể, dễ áp dụng, có tính khả thi cao, tránh tình trạng thường gặp là giữa chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước có khoảng cách, khiến cho việc thực thi Nghị quyết gặp khó khăn. Mặt khác, phải có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận

Tổ quốc, đoàn thể chính trị – xã hội và cộng đồng doanh nghiệp; cần xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng tổ chức, tránh chồng chéo hoặc đùn đẩy trách nhiệm. Đồng thời, cần tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành, liên vùng để giải quyết các vấn đề mang tính liên kết, đặc biệt trong quản lý kinh tế số, phát triển hạ tầng, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

Một yêu cầu quan trọng khác nữa là cần đảm bảo nguồn lực cả về tài chính, nhân lực, công nghệ và cơ sở hạ tầng; có cơ chế phân bổ ngân sách hợp lý, khuyến khích xã hội hóa và huy động mạnh mẽ nguồn lực ngoài nhà nước. Đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên gia, phải có năng lực chuyên môn, phẩm chất chính trị, khả năng thích ứng với bối cảnh mới. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, cần có cơ chế giám sát chặt chẽ, minh bạch, có sự tham gia của cả hệ thống chính trị và nhân dân. Các chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện phải rõ ràng, định lượng được, tránh chung chung... Việc đáp ứng những yêu cầu này sẽ quyết định Nghị quyết có thực sự trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện, bền vững của đất nước trong bối cảnh mới hay không.

Sau khi nghị quyết được ban hành, cần nhanh chóng thể chế hóa các định hướng, chủ trương thành các văn bản pháp luật, chiến lược, chương trình, đề án cụ thể. Bao gồm *các cơ chế cụ thể như*: Cơ chế phân công, phối hợp và trách nhiệm; Cơ chế huy động và phân bổ nguồn lực; Cơ chế giám sát, kiểm tra và đánh giá; Cơ chế ứng dụng khoa học - công nghệ và chuyển đổi số; Cơ chế khuyến khích đổi mới sáng tạo và phát huy vai trò xã hội; Cơ chế quốc tế hóa và hội nhập.

NHỮNG GIẢI PHÁP THIẾT THỰC

Đề Nghị quyết thực sự đi vào cuộc sống, cần ứng dụng mạnh mẽ công nghệ để

quán triệt, tuyên truyền đồng bộ, sâu rộng, kịp thời đến cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân các quyết sách liên quan. Qua đó, thực hiện nhanh nhất, trách nhiệm nhất, tốt nhất nhằm giải phóng các “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ quy định pháp luật. Cùng với đó, cần có kế hoạch, tiến độ cụ thể trong việc rà soát, chuẩn hóa, đào tạo và nâng cao trình độ, tiêu chuẩn cho đội ngũ trực tiếp xây dựng thể chế. Đồng thời, nâng cao chính sách đãi ngộ đột phá cho nguồn nhân lực chất lượng cao và cơ chế kinh phí đủ mạnh cho công tác này, bảo đảm tính chuyên nghiệp và chất lượng thể chế của đất nước, chấm dứt cơ bản các “điểm nghẽn” về thể chế, biến thể chế thành điểm mạnh, lợi thế so sánh của nước ta so với các nước trong khu vực và thế giới, đưa đất nước phát triển bền vững và vững. Mặt khác, cần có cơ chế, chính sách phù hợp; một hệ thống pháp luật phù hợp thì mọi tổ chức và cá nhân sẽ đều tuân thủ theo Hiến pháp và pháp luật, khi đó nền kinh tế-xã hội của đất nước sẽ hoạt động ổn định và phát triển.

Từ cơ sở thực tiễn, trong Nghị quyết 66 cũng đã đề ra những nhiệm vụ, giải pháp thực hiện mang tính định hướng, bao gồm: *Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật, phát huy cao độ tinh Đảng trong xây dựng và thi hành pháp luật. Đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển. Tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật. Nâng cao hiệu quả công tác hợp tác quốc tế, pháp luật quốc tế. Xây dựng giải pháp đột phá nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật. Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn*

trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Thực hiện cơ chế tài chính đặc biệt cho công tác xây dựng và thi hành pháp luật.

Đi vào những vấn đề cụ thể trong quá trình triển khai thực hiện yêu cầu Nghị quyết đặt ra là tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả, theo các chuyên gia, cần tập trung vào các giải pháp thiết thực, bao gồm:

1. Cần nhanh chóng thể chế hóa các nội dung cốt lõi của nghị quyết thành luật, nghị định, thông tư, chương trình hành động. Quá trình này phải gắn liền với việc rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật hiện hành, loại bỏ những quy định chồng chéo, mâu thuẫn, bảo đảm sự đồng bộ và thống nhất. Cùng với đó, ban hành các cơ chế, chính sách mới có tính đột phá trong các lĩnh vực trọng yếu như phát triển hạ tầng chiến lược, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, an ninh phi truyền thống, bảo vệ môi trường.

2. Cần có giải pháp kiện toàn tổ chức bộ máy, phân định cụ thể trách nhiệm giữa các cấp, ngành. Đặc biệt, cần nâng cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu, gắn kết quả thực hiện với đánh giá, khen thưởng và kỷ luật cán bộ. Phải tăng cường cơ chế phối hợp liên ngành, liên vùng. Các cơ quan, địa phương cần chia sẻ dữ liệu, kinh nghiệm, phối hợp triển khai các dự án hạ tầng, an sinh xã hội, môi trường... theo hướng “cùng hành động vì lợi ích chung”, thay vì cục bộ, phân tán. Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, bản lĩnh để thực thi nghị quyết.

3. Luôn đổi mới nội dung, phương pháp và cách thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người dân, đảm bảo thực chất, tránh hình thức để pháp luật thực sự đi vào đời sống xã hội nhanh nhất.

4. Việc theo dõi, đôn đốc quá trình thực hiện pháp luật cần được thực hiện hiệu quả

nhằm giúp cho pháp luật nhanh đi vào đời sống và cơ quan nhà nước cũng kịp thời phát hiện những điểm còn chưa phù hợp để từ đó đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện pháp luật.

5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra quá trình thực hiện pháp luật.

6. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong quá trình thực hiện pháp luật.

Nghị quyết 66NQ/TW của Bộ Chính trị đánh dấu một bước ngoặt trong nhận thức và hành động lập pháp của Việt Nam: Từ

tư duy “quản lý” chuyển sang tư duy “phát triển bằng luật”. Đây là định hướng chiến lược trong việc xây dựng hệ thống pháp luật hiện đại, hướng đến nền kinh tế phát triển, sáng tạo, hội nhập toàn cầu, với tầm nhìn dài hạn của đất nước đến năm 2045.

Thành công trong thực hiện Nghị quyết sẽ củng cố niềm tin của nhân dân vào đường lối của Đảng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm sự ổn định chính trị – xã hội. Đây là nền tảng vững chắc để đất nước vượt qua những khó khăn, thách thức trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh chiến lược quốc tế ngày càng gay gắt./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2024), *Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới* Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Bộ Chính trị (2023), *Kết luận về việc tiếp*

tục đẩy mạnh thực hiện các nghị quyết chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Hà Nội.

- Chính phủ (2022), *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2045*, Hà Nội.
- Trần Văn Tùng (2024), “Giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi các nghị quyết của Đảng trong giai đoạn mới”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 6.